KHXH&NV Việt Nam: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN

GS TRẦN VĂN ĐOÀN
Đại học Quốc gia Đài Loan

Khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV) Việt Nam những năm gần đây đã có những bước phát triển nhất định. Bên cạnh những kết quả đạt được, theo tác giả, KHXH&NV của chúng ta còn tồn tại một số vấn đề: đâu đó còn tự cô lập, đóng kín; dễ dàng tự mãn và tự huyễn hoặc các thành tựu của mình; dễ giáo điều, không chấp nhận phê phán, phản biện... Tác giả cũng đã đưa ra một số giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại này.

Thành tựu và xu hướng nổi bật của KHXH&NV

KHXH&NV không giống khoa học tự nhiên, lại càng không giống khoa học kỹ thuật. Do đó, thành quả của các ngành khoa học rất khác nhau. Nếu thành quả kỹ thuật tiến bộ rất nhanh cả chất lẫn lượng và mang lại nhiều lợi nhuận tức thời, thì thành quả của khoa học nói chung tương đối chậm hơn, và thành quả của khoa học cơ bản còn chậm hơn rất nhiều. Nhiều thành quả không có giá trị kinh tế nhưng lại có ý nghĩa rất lớn. Những phát hiện của Newton cho đến giờ vẫn còn giá trị sau cả gần 400 năm. Lý thuyết tương đối của Einstein thì cả hàng thế kỷ vẫn còn để lại dấu ấn.

Thành tựu của KHXH&NV chỉ có thể nhận ra trong một quá trình lịch sử lâu dài. Thế giới nhân bản hơn, tôn trọng con người hơn, hiểu biết nhau hơn, hòa bình hơn, đẹp hơn, sạch hơn... đó chính là thành tựu của KHXH&NV. Từ đây, chúng ta có thể nhìn ra những nghiên cứu, hay xu hướng nổi bật trong KHXH&NV, đó là những lý thuyết về ngôn ngữ tương thông, về những điều kiện hiểu nhau, những quy luật con người nên chấp nhận, về lý thuyết công bằng, về bản chất và quyền phụ nữ, về những sai lầm trong quá khứ, về những giá trị con người, và nhất là về những phương thế tìm và chứng minh tri thức... Những triết gia lớn như Heidegger, Wittgenstein, Freud, Habermas, Gadamer, Foucault và Rawls đã để lại dấu ấn sâu đậm trong nhiều lĩnh vực và trong một thời gian rất dài.

Để đạt những mục đích trên, các nhà nghiên cứu KHXH&NV phải đi tìm những phương pháp thích hợp. Những phương pháp như phân tâm (psychoanalysis) của Freud, thuyết hành vi (behaviorism), cấu trúc (structuralism), thông diễn (hermeneutics), hiện tượng luận (phenomenological method), phân tích ngôn ngữ... lần lượt xuất hiện vào thế kỷ XX, và còn đang ảnh hưởng tới ngày nay. KHXH&NV cũng áp dụng những phương pháp thông dụng trong khoa học tự nhiên vào việc quan sát, phân tích dữ kiện xã hội. Đặc biệt, phương pháp phỏng vấn, thống kê, dự đoán là những phương pháp thông dụng mà không ai có thể bỏ qua. Trong những năm gần đây, các nhà KHXH&NV tiếp cận với những kỹ thuật tân tiến trong thông tin học (informatics), cũng như những phát hiện mới trong sinh vật học, họ phải đặt lại những vấn đề hiểu biết căn bản về con người, về quyền tác tạo, tự do, cũng như trách nhiệm xã hội.

Thực trạng KHXH&NV của Việt Nam

Tháng giêng năm 1997, lần đầu tiên tôi trở lại Việt Nam sau gần 30 năm, theo lời mời của GS Nguyễn Trọng Chuẩn - Viện trưởng Viện Triết học (Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam) và của GS Vũ Tình - Chủ nhiệm Khoa Triết học, Trường Đại học KHXH&NV (Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh). Tại Viện Triết học và Khoa Triết học, khi đó đa số các nhà nghiên cứu và nhà giáo chỉ biết về chủ thuyết Mác - Lênin và gần như không để ý đến triết học, như chúng tôi hiểu. Cùng với GS George F. McLean (Catholic University of America), chúng tôi được hân hạnh trình bày một số trào lưu triết học hiện đại tại Viện Triết học. Đúng là rất xa lạ với mọi người trong Viện. Người dịch cho GS McLean

(và cả cho tôi, lúc bấy giờ là ThS Hoàng Thị Thơ, hiện là PGS.TS) đã gặp rất nhiều khó khăn để dịch những thuật ngữ mà các đồng nghiệp chưa từng nghe bằng tiếng Việt. Tương tự, sau bài nói chuyện của tôi về Heidegger và Wittgenstein tại Khoa Triết học, không có bất cứ một câu hỏi nào từ phía các thầy cô trong Khoa. Nhưng ngày nay, tôi đã thấy có sự đột biến. Các nhà nghiên cứu triết học ở Việt Nam đã quen thuộc với những trào lưu triết học thế giới. Viện Triết học với chính sách mở rộng của GS Chuẩn, được GS Phạm Văn Đức (Viện trưởng đương nhiệm) tiếp nối và phát triển là một ví dụ cho sự hội nhập và tiến bộ. Trong những năm gần đây, khá nhiều nhà nghiên cứu trẻ đã được gửi sang học tập ở nhiều nước. Họ đương làm thay đổi bộ mặt Viện Triết học thành một viện nghiên cứu theo đúng nghĩa, và hội nhập thế giới sâu rộng hơn. Bản thân GS Đức cũng đã có được vinh dự là người Việt đầu tiên trong nước được bầu làm Ủy viên Điều hành *Liên hiệp hội Triết học thế giới* (FISP) vào năm 2008 tại Seoul, Hàn Quốc, và tái đắc cử với số phiếu cao tại Athens, Hy Lạp tháng 8.2013.

Trong lĩnh vực tôn giáo học, tôi cũng nhận ra được những tiến bộ nhất định. Viện Tôn giáo (Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam), và vài Khoa Tôn giáo học tại các cơ sở đào tạo khác đã bắt đầu bước ra khỏi lối nhìn phê phán cố hữu một chiều về tôn giáo, coi tôn giáo như là "mặt trái" của xã hội. Hiện các nhà nghiên cứu đã bắt đầu khách quan hơn, đánh giá lại những thành quả tích cực của tôn giáo. Viện Tôn giáo và Khoa Tôn giáo đã chú trọng đến học thuật hơn, và tạo cho nghiên cứu sinh nhiều tự do hơn trong nghiên cứu. Việc thành lập 2 trung tâm nghiên cứu tôn giáo tại Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh là một bước đi quan trọng trong nghiên cứu tôn giáo tại Việt Nam và là bằng chứng cho sự tiến bộ trong nghiên cứu.

Ngoài ra, các ngành khác thuộc KHXH&NV của Việt Nam như xã hội học, nhân học, dân tộc học... cũng có những tiến bộ đáng kể, thể hiện qua việc tiếp cận hệ thống lý thuyết và phương pháp luận. Nếu trước đây, các ngành này chủ yếu chỉ dùng lý thuyết và phương pháp luận Mác - Lênin thì ngày nay, nhiều lý thuyết đã được du nhập từ phương Tây. Bên cạnh những kết quả đạt được, nhìn chung, KHXH&NV của Việt Nam cũng còn tồn tại một số vấn đề:

Thứ nhất, đâu đó còn tự cô lập, đóng kín. Trong quá khứ, nền KHXH&NV nói chung tự kín cổng cao tường, không khác gì chính sách bế môn tỏa cảng thời Minh Mạng, Tự Đức. Ngày nay, tuy đã mở rộng, nhưng vẫn chưa đủ. Lý do dễ hiểu: KHXH, nhất là nhân văn, nghệ thuật vốn được phát triển *do con người tự do, tự chủ, sáng tạo.* Một khi bị "lãnh đạo" hay "định hướng" theo một chiều hướng nào đó, nền "khoa học" biến thành một mớ giáo điều. Lý thuyết biến thành những kinh kệ; giáo dục biến thành nhồi nhét, giáo viên biến thành những kẻ ê a tụng kinh. Chính sách đóng kín khiến giới nhà giáo và nghiên cứu mất động lực nghiên cứu, tìm kiếm sự thật, tri thức mới. Tự cô lập tức là tự từ chối giao tiếp, học hỏi người khác. Hệ quả là chúng ta tự mâu thuẫn, rơi vào vòng luẩn quẩn: không tiếp xúc thì không biết, mà không biết thì không thể tiếp xúc. Rốt cục chúng ta bị bỏ lại phía sau.

Thứ hai, dễ dàng tự mãn và tự huyễn hoặc các thành tựu của mình. Bị bỏ lại phía sau, nên tự "huyễn hoặc" thành quả. Chúng ta thích lấy cái dĩ vãng (không liên quan đến khoa học) để biện hộ cho sự yếu kém hôm nay. Chúng ta thích lấy một hay hai nhân vật nổi bật như Trần Đức Thảo, Nguyễn Văn Huyên để tự mãn và quên đi thực tại...

Thứ ba, dễ giáo điều, không chấp nhận phê phán, phản biện. Chúng ta quên nguyên tắc của khoa học là thiếu phản biện, khoa học tự chết. Thiếu phát triển, tri thức tự khai tử. Và sự việc này giải thích tại sao chúng ta ít có sự phản biện (peer-review) hay điểm sách (book review) trong các tập san nghiên cứu.

Thứ tư, dễ tự ti khi phải đối thoại với học giả nước ngoài, nhưng lại ngạo mạn với chính những người nghiên cứu trong nước, nhất là với giới trẻ. Các học giả của chúng ta thích dựa theo, trích dẫn những nhà khoa học ở các nước Tây Âu, Mỹ một cách ngoan ngoãn. Trong nhiều hội nghị, tôi chú

ý đến việc "người chúng ta công kích người chúng mình" rất thiếu tế nhị và phi học thuật theo kiểu "lên mặt dạy đời", trong khi rất khiêm cung, trọng thị với người nước ngoài, dẫu rằng họ cũng chẳng có gì đáng nói.

Giải pháp phát triển KHXH&NV

Về phía cơ quan quản lý, xin được chia sẻ một số ý kiến như sau:

- Tôn trọng sự tự chủ, tính tự do trong KHXH&NV; sửa đổi quá trình, chính sách nghiên cứu khoa học, tham gia nghiên cứu... cho công bằng, đúng chuẩn mực của khoa học; bình đẳng trong tuyển chọn nhiệm vụ nghiên cứu, ai đưa ra dự án nghiên cứu hay hơn, hiệu quả hơn, cần thiết hơn thì được ưu tiên; phải đặt KHXH&NV vào đúng vị trí của chúng, không nên lấy chuẩn mực của khoa học tự nhiên để bắt ép KHXH&NV; có chế độ tài trợ, đãi ngộ xứng đáng để nhà nghiên cứu KHXH&NV có thể yên tâm làm nghiên cứu; khuyến khích và tài trợ những công bố ở tầm có giá trị (có ảnh hưởng ở tầm quốc tế và quốc gia).

- Trong nghiên cứu và giáo dục, từ "quản lý" không mang nghĩa "cai quản" và "xử lý" như nhiều quan chức đã hiểu. Quản lý (administration) chỉ mang nghĩa trợ giúp, làm cho công việc được tiến hành. Nói cách khác rõ hơn, quản lý là trợ giúp các nhà giáo dục, khoa học để họ làm tốt công việc của họ. Trợ giúp bằng cách tạo điều kiện, giảm những chướng ngại, vật cản và nhất là giúp họ tăng thêm năng lực để họ có thể thành công. Do đó, cơ quan quản lý không nên đi sâu vào những lĩnh vực chuyên môn, những lĩnh vực thuộc về nghiên cứu, giáo dục thuần túy.

- Gần đây, Nhà nước đã nói nhiều đến tự chủ. Vậy thì hãy đẩy mạnh việc thực thi chính sách tự chủ. Kiểm định nên để cho các tổ chức phi chính phủ đảm trách. Việc xếp hạng các đại học rất cần thiết. Mặc dù còn nhiều tranh cãi, nhưng không ai phủ nhận, bảng xếp hạng là một cách kiểm định rất tốt, có hiệu quả hơn các cơ quan thanh tra của các Bộ. Các trường kém sẽ bị chính học viên từ chối. Văn bằng của họ sẽ bị xã hội, xí nghiệp, cơ quan không công nhận. Tình trạng "bằng giả", "bằng thật học giả", "mua quan bán chức" sẽ tự biến mất.

- Vì KHXH&NV không phải là một công cụ, nên khó có thể tạo ra thị trường lợi nhuận. Dĩ nhiên

trừ kinh tế, tài chính, hầu hết các môn học thuộc KHXH&NV thuần túy thuộc tri thức, giúp con người thăng tiến (chứ không phải làm giàu). Để cho một dân tộc thăng hoa, để cho đất nước tiến bộ, những nhà quản lý nên đầu tư xứng đáng cho những môn học này. Các quốc gia và vùng lãnh thổ tiên tiến như châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan đều đầu tư vào những môn học này, chứ không có kiểu đem con bỏ chợ. Nên thành lập những quỹ tương tự như Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia để khuyến khích các nhà giàu có đóng góp cho nhân văn, khoa học.

Với các bạn trẻ, đặc biệt những bạn lựa chọn cho mình con đường nghiên cứu khoa học thì để có những thành công nhất định trên con đường tìm kiếm tri thức, hãy đừng để mình lệ thuộc vào điều kiện vật chất, điều kiện xã hội. Rõ ràng, thế hệ các nhà khoa học của Việt Nam 40-50 năm về trước có điều kiện khó khăn gấp nhiều lần so với bây giờ, nhưng chính thế hệ đó đã sản sinh ra nhiều nhà khoa học có tầm ảnh hưởng không chỉ ở Việt Nam mà cả trên thế giới. Điều quan trọng thứ hai chính là sự đam mê, làm khoa học nói chung và KHXH&NV nói riêng không thể thiếu lòng đam mê, có đam mê mới có sáng tạo; có tính tự chủ và nhất là một ý chí, mà Niezsche gọi là "ý chí về nguồn lực của chính mình". Và điều quan trọng thứ ba là cần phải biết ngoại ngữ, nó là công cụ để tìm hiểu, từ đó có thể khám phá ra tri thức mới. Ngoại ngữ đặc biệt quan trọng trong bối cảnh mà Thomas Friedman gọi thế giới của chúng ta ngày nay là "thế giới phẳng"